



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Điện Lực Khánh Hòa

Ngày 30/06/2025	12,150 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.2%	17.5%	-

DT thuần Q2/25
2,128
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 620 41.1%
YoY: ▲ 148 7.5%

LN thuần Q2/25
45.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 75.9 253%
YoY: ▲ 13.6 42.0%

LN sau thuế Q2/25
42.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 72.3 242%
YoY: ▲ 18.6 78.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.9%
YoY: +/-▲ 4.3%

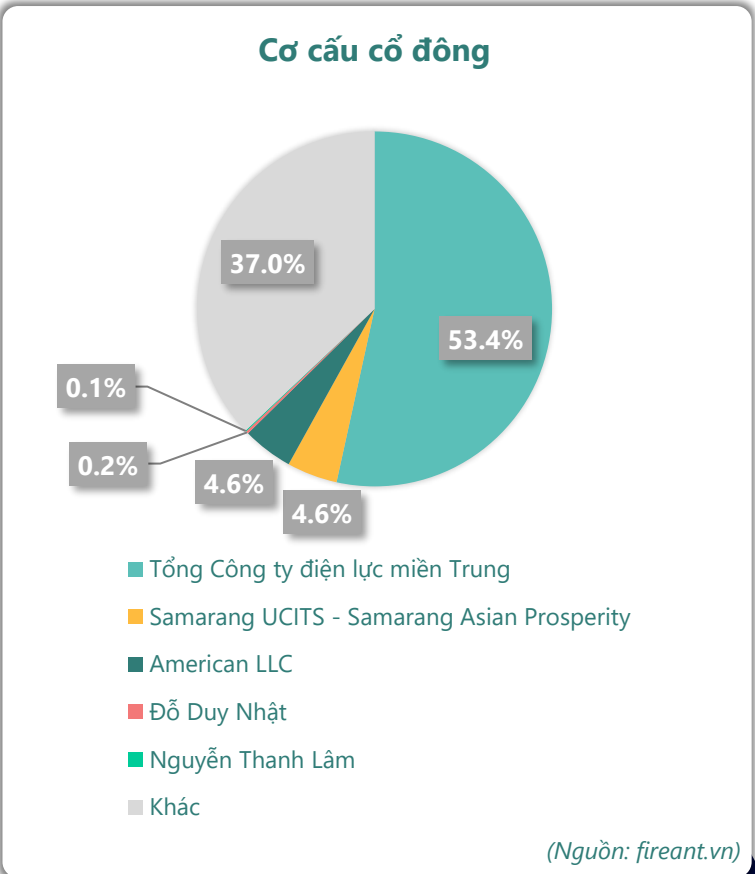
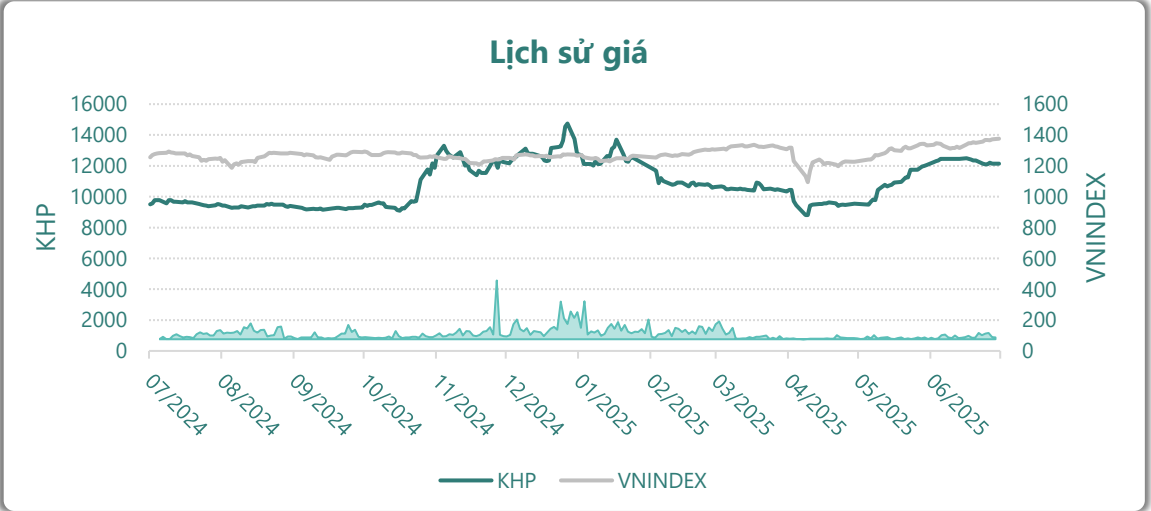
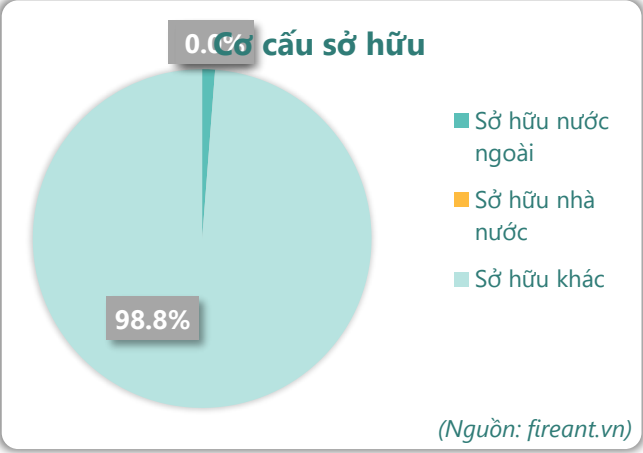
ROE (TTM) Q2/25
5.4%
YoY: +/-▲ 2.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,809 - 14,745
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	734
Số lượng CPLH (CP)	60,376,746
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,825
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.80
EPS	593
P/E	20.5

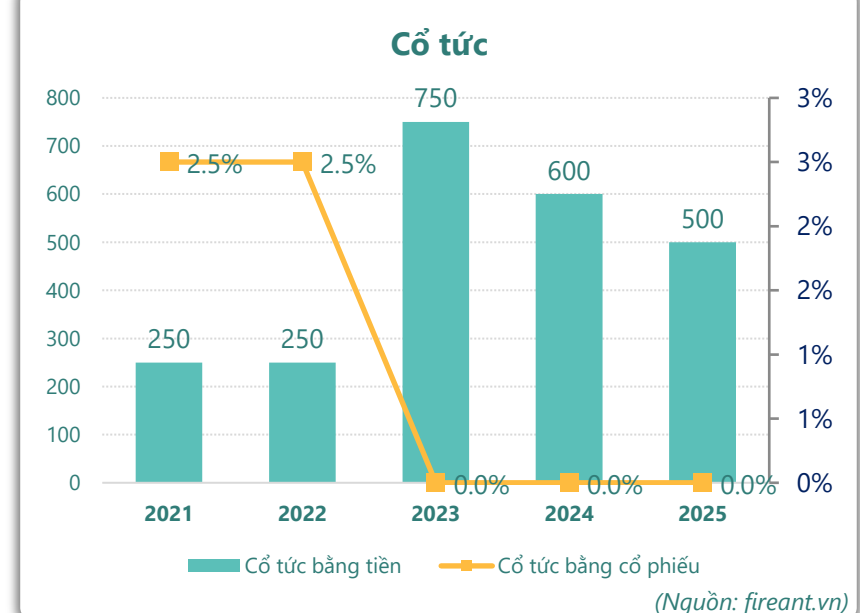
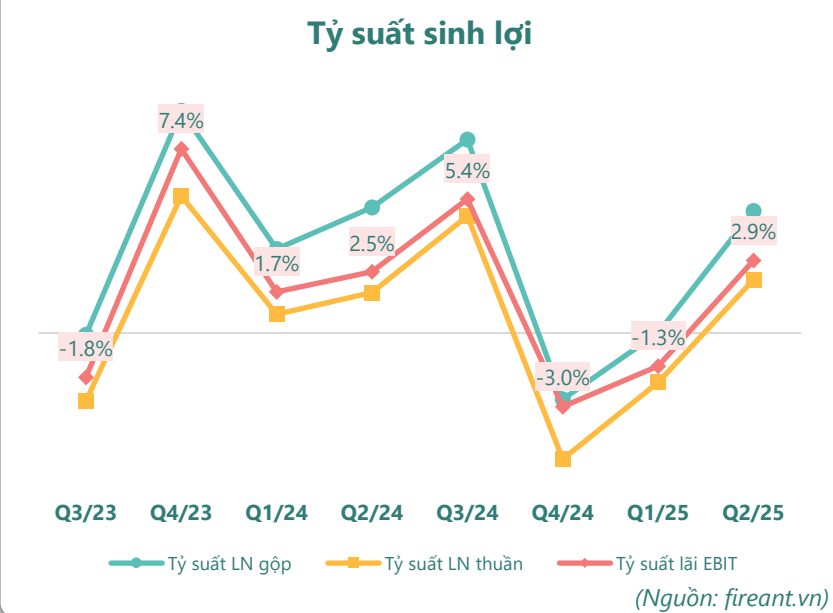
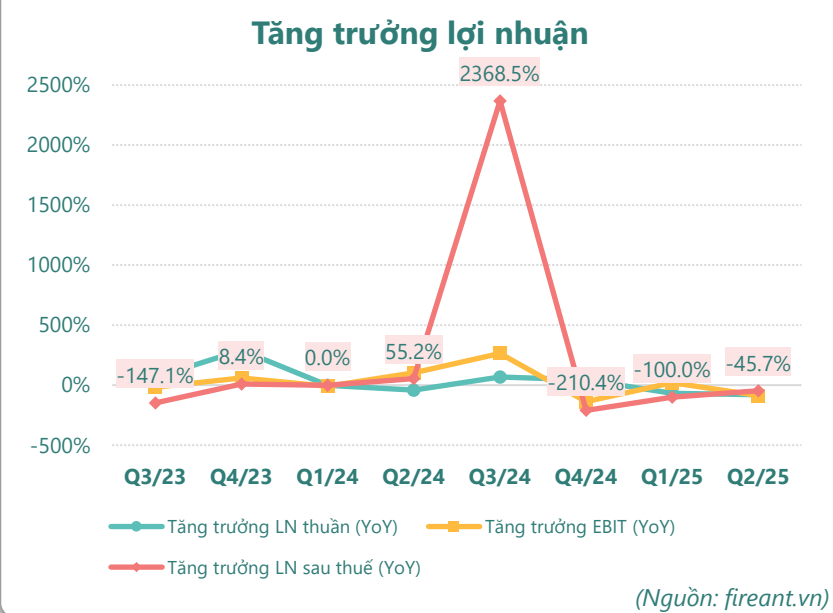
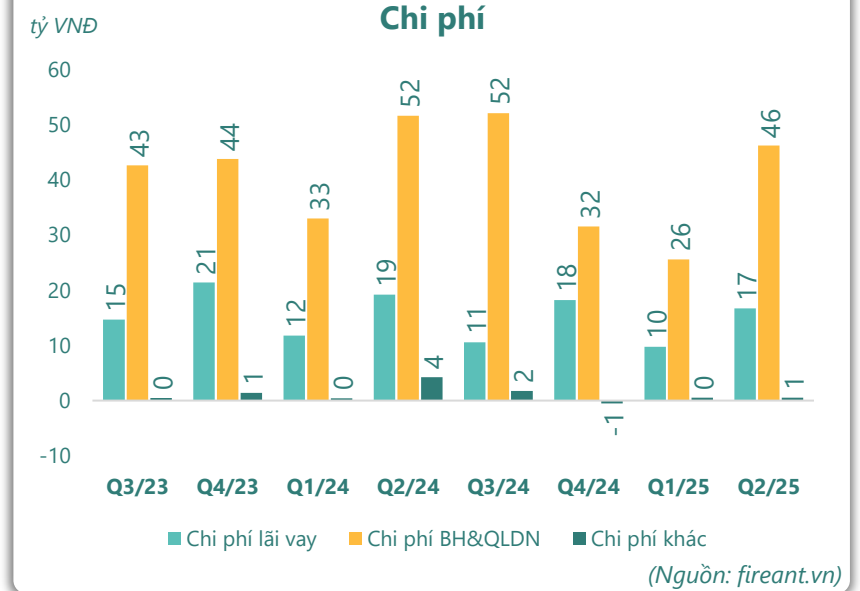
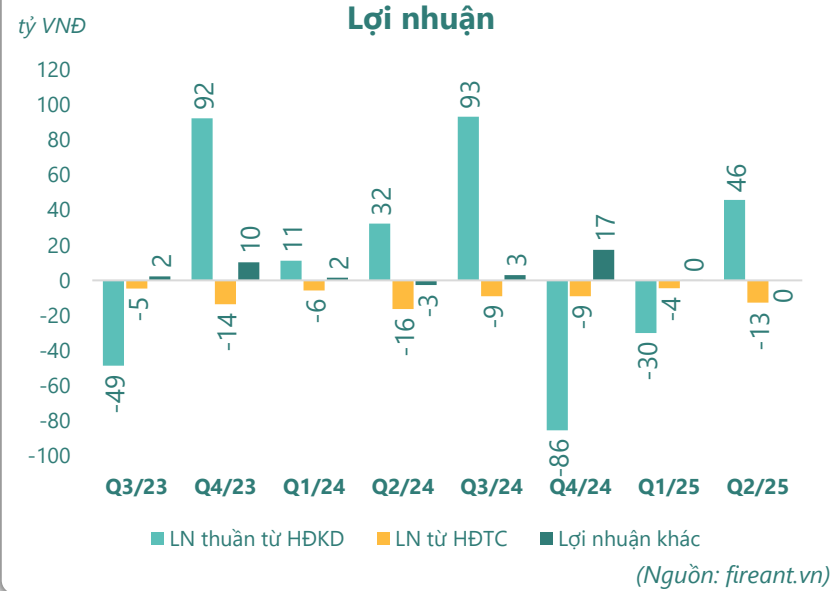
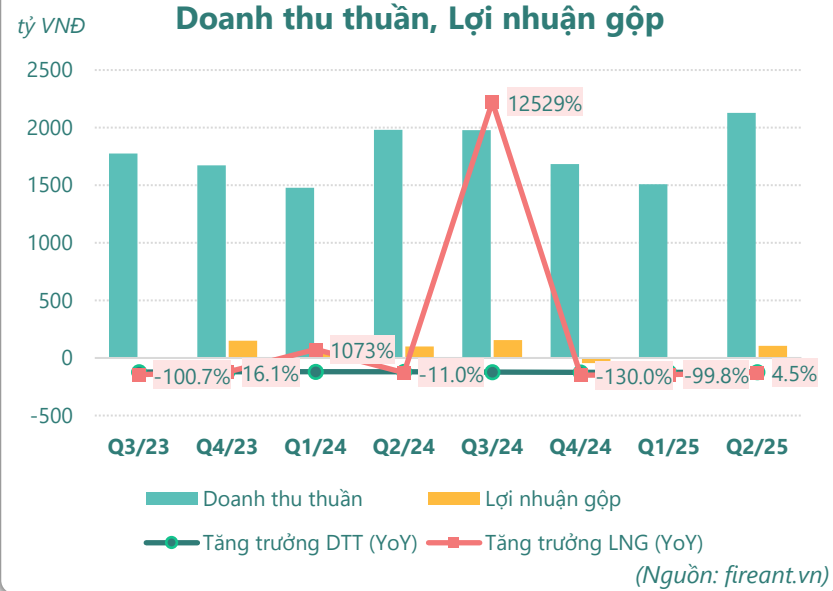
DT thuần 6T 2025
3,637
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 181 5.2%

LN thuần 6T 2025
15.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.7 -63.6%

LN sau thuế 6T 2025
12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.4 -63.0%



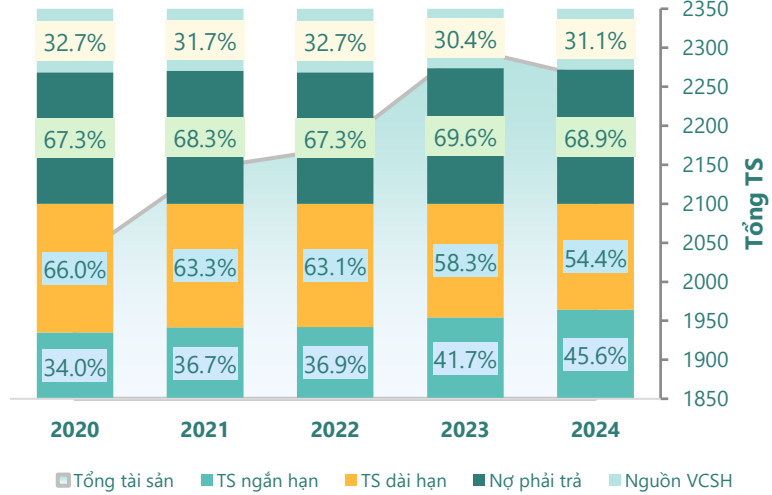
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

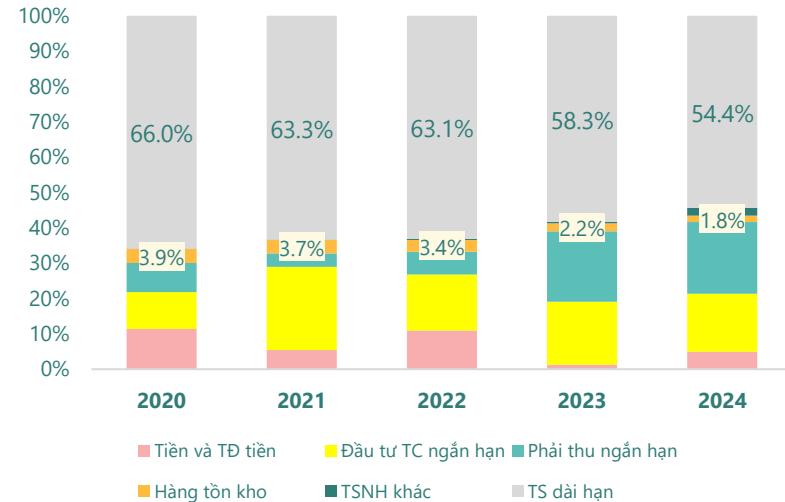
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

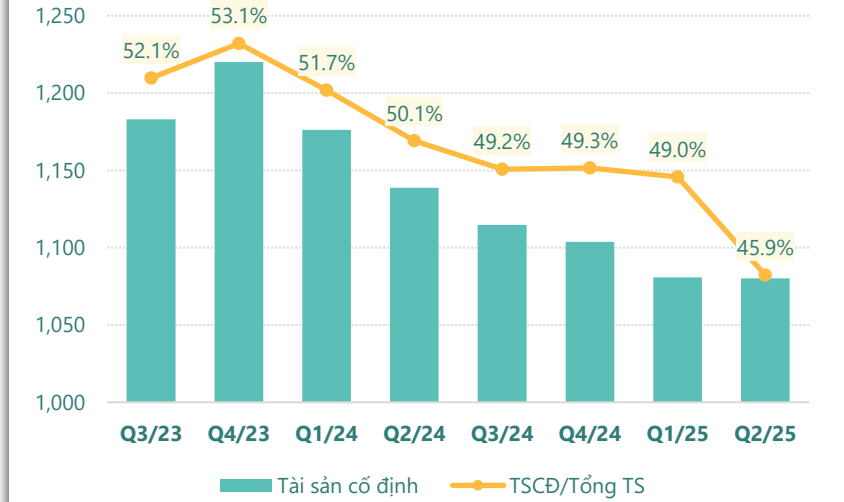
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

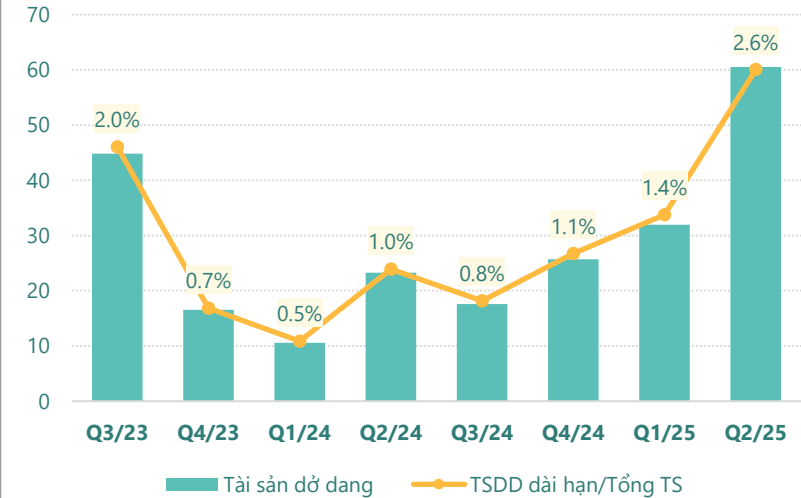
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

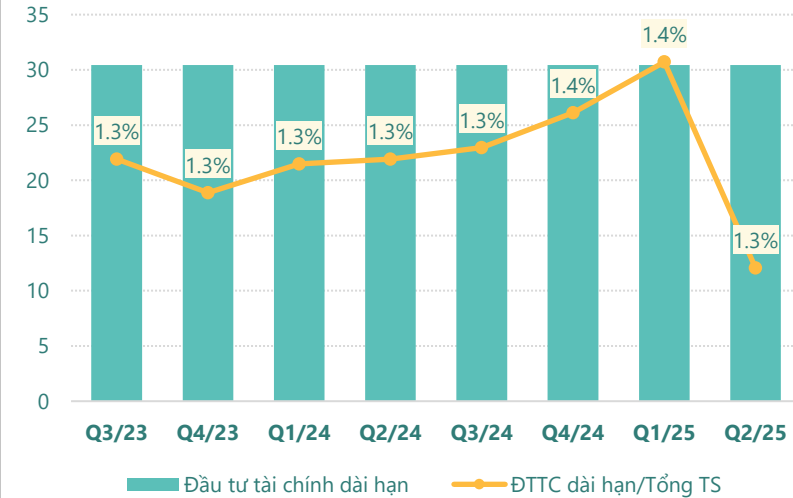
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

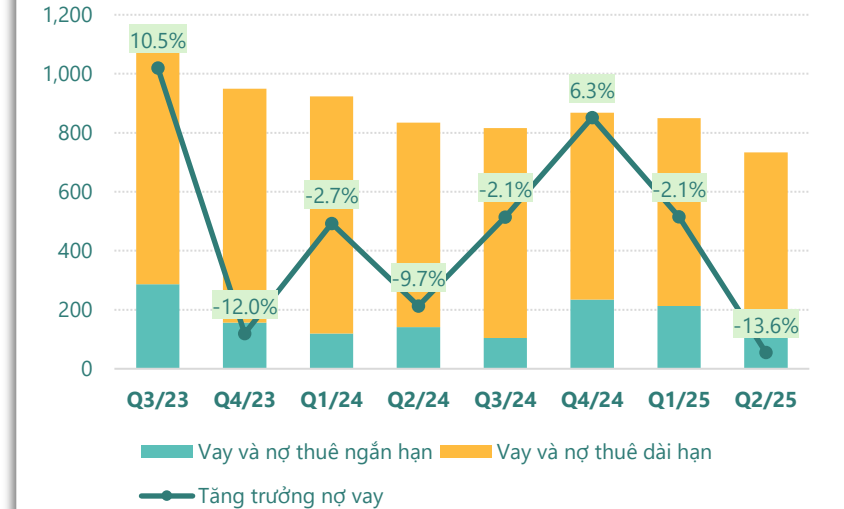
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

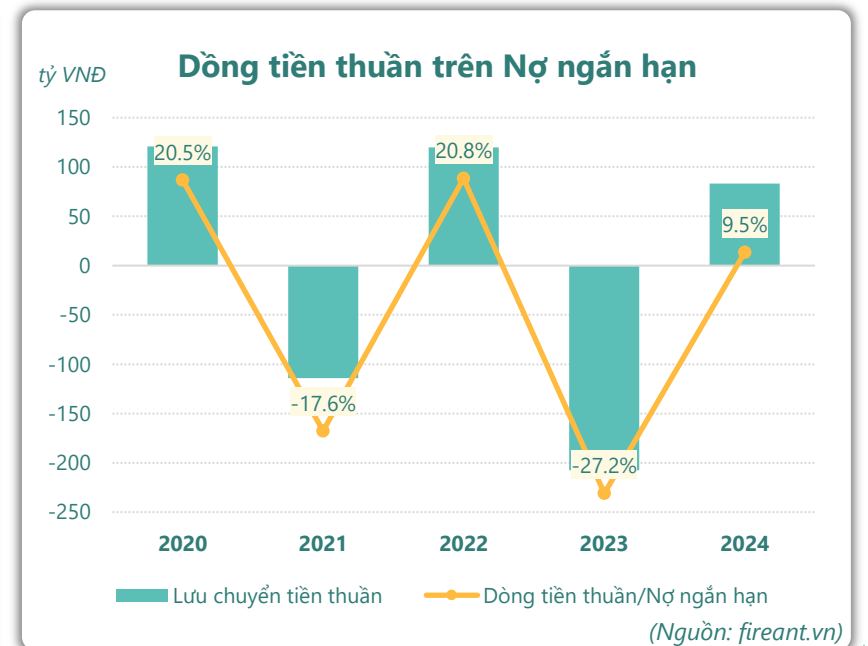
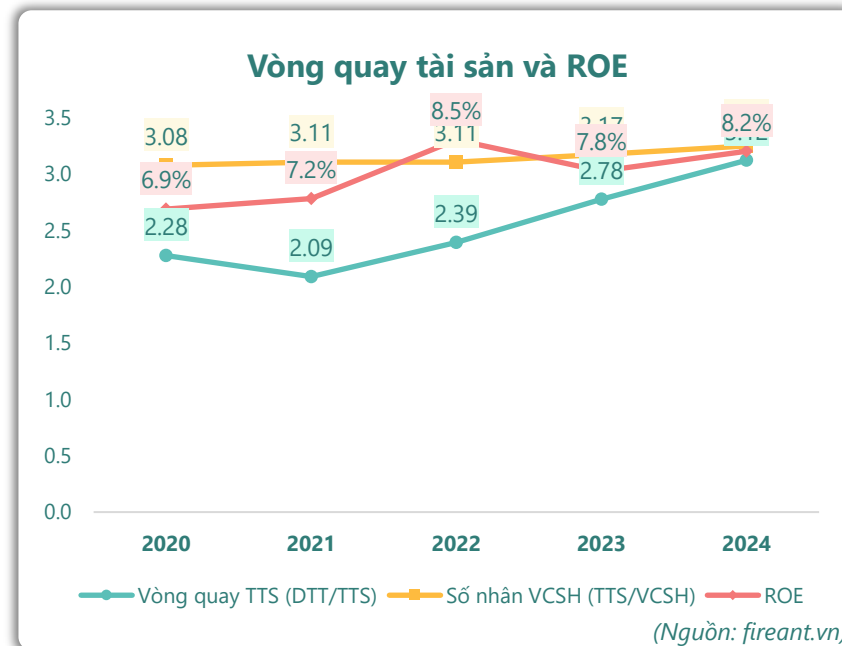
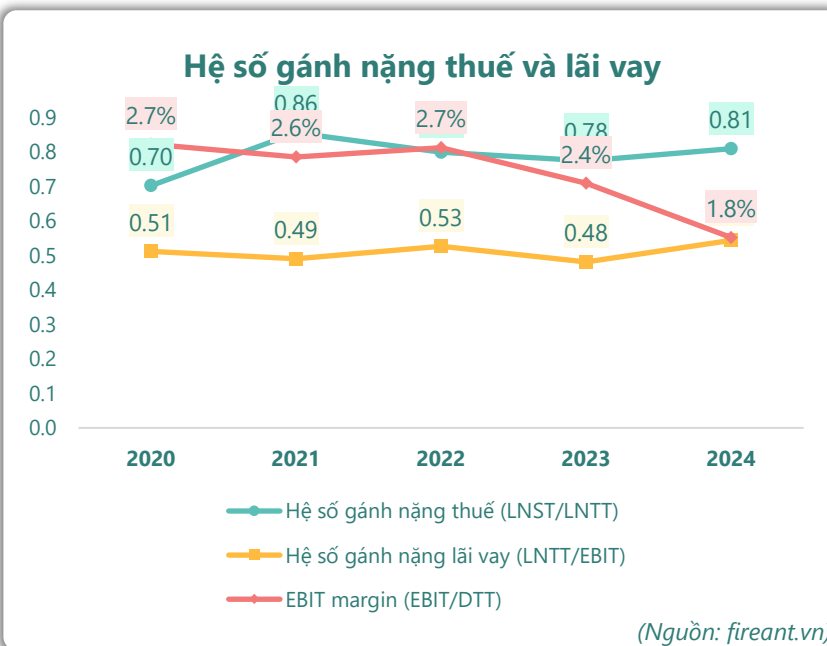
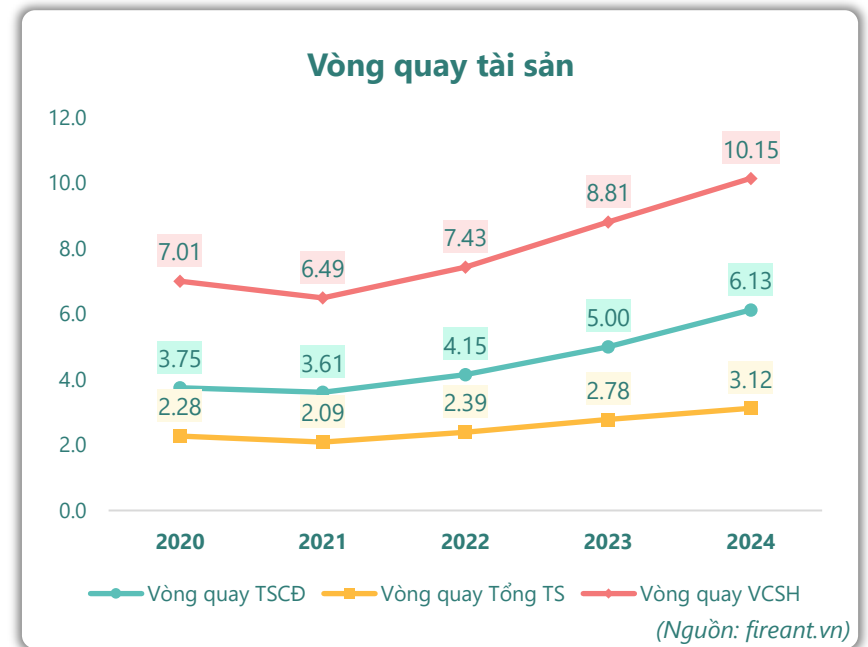
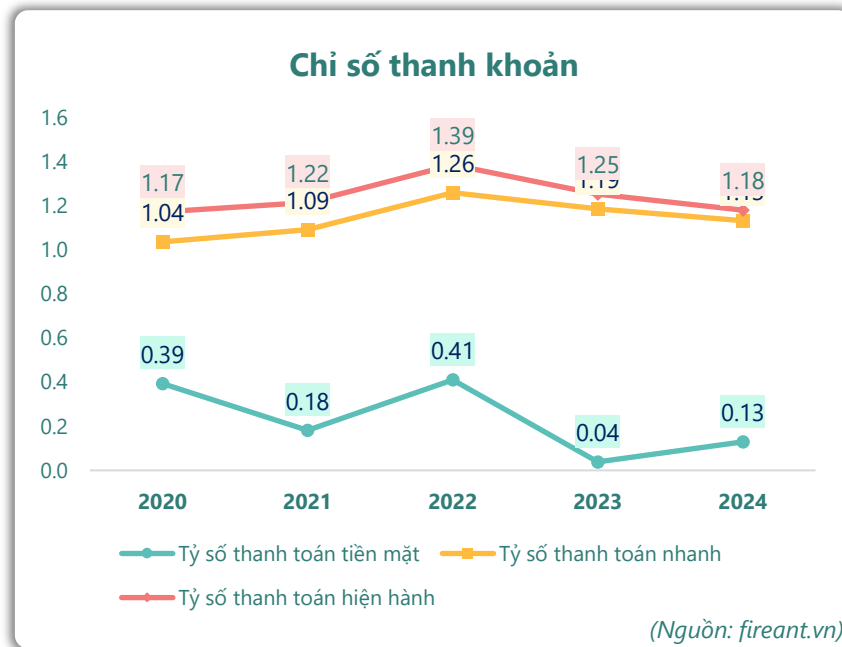
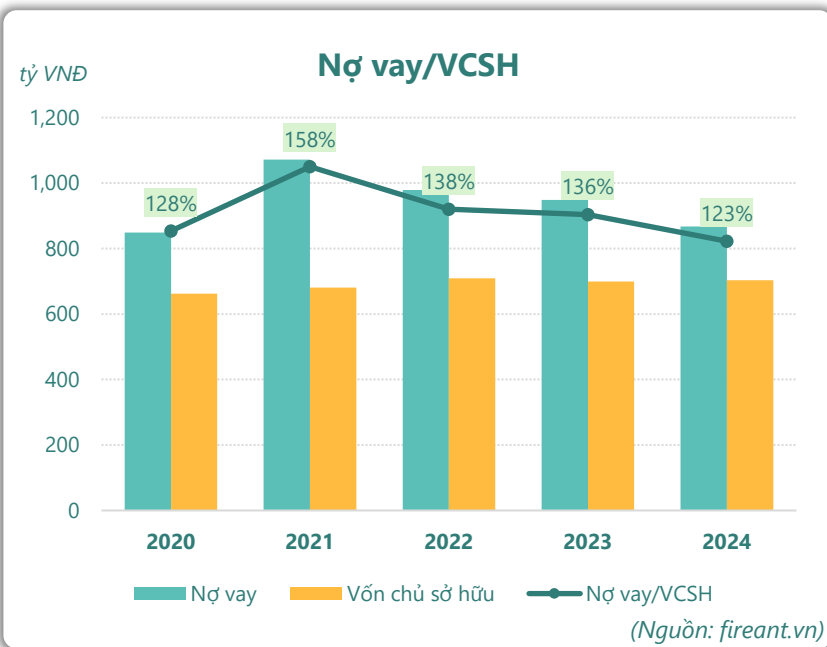
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,128	1,980	7.5%	3,637	3,456	5.2%
Giá vốn hàng bán	2,023	1,879	7.7%	3,532	3,306	6.8%
Lợi nhuận gộp	105	100	4.9%	105	150	-30.2%
Doanh thu HĐTC	4.92	4.41	11.6%	10.2	10.5	-2.8%
Chi phí TC	17.7	20.8	-14.9%	27.5	32.6	-15.7%
Chi phí lãi vay	16.7	19.2	-13.0%	26.5	31.0	-14.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	19.9	22.1	-9.8%	32.8	36.7	-10.4%
Chi phí QLDN	26.3	29.6	-11.0%	39.1	48.1	-18.8%
LN thuần từ HĐKD	45.9	32.3	42.0%	15.9	43.6	-63.6%
Lợi nhuận khác	-0.22	-2.63	91.7%	-0.11	-1.11	90.4%
LN trước thuế	45.6	29.7	53.7%	15.8	42.5	-62.9%
Lợi nhuận sau thuế	42.4	23.8	78.3%	12.5	33.9	-63.0%
LNST của CĐ cty mẹ	42.4	23.8	78.3%	12.5	33.9	-63.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.5	65.9	152	27.1	-43.6	200
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	105	-31.2	-136	3.36	-36.0	-42.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.4	-126	-17.8	51.3	-18.3	-147
Tiền đầu kỳ	29.4	124	32.6	30.8	113	14.7
Lưu chuyển tiền thuần	95.0	-91.8	-1.80	81.7	-97.9	10.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	124	32.6	30.8	113	14.7	25.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,351	2,260	4.0%
Tài sản ngắn hạn	1,115	1,031	8.1%
Tiền và tương đương tiền	25.0	113	-77.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	320	370	-13.5%
Phải thu ngắn hạn	717	459	56.2%
Hàng tồn kho	29.8	41.8	-28.8%
Tài sản ngắn hạn khác	23.7	48.2	-50.8%
Tài sản dài hạn	1,236	1,229	0.6%
Phải thu dài hạn	0.39	1.60	-75.8%
Tài sản cố định	1,080	1,104	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	60.5	25.7	136%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	64.5	67.8	-4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,695	1,557	8.8%
Nợ ngắn hạn	1,054	873	20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	149	234	-36.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	670	465	44.0%
Nợ dài hạn	640	684	-6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	585	633	-7.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	656	703	-6.7%
Vốn chủ sở hữu	656	703	-6.7%
Vốn điều lệ	604	604	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

